

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HS-ST
Ngày 31-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Lê L.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tô Đình P.
- Ông Phan Thanh L1.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Hoài T – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên toà:
Ông Phạm Xuân D1 - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B và điểm cầu phòng làm việc Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp và trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn H**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 06/7/1995 tại Q, B; nơi cư trú: Thôn N, xã M, thành phố Q, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; con ông: Nguyễn Văn S (sinh năm 1968) và bà: Huỳnh Thị X (sinh năm 1961); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B từ ngày 25/5/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại điểm cầu phòng làm việc Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B).

* **Người bị hại:** Anh V, sinh ngày: 12/8/2000; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện A, tỉnh B (có mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Ngọc E, sinh ngày: 16/7/1974; nơi cư trú: Thôn T1, xã P, huyện K, B (vắng mặt).

* Người làm chứng: Chị Nguyễn Thu G, sinh ngày: 15/3/1997; nơi cư trú: Thôn Đ, xã R, huyện K, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và V sinh năm 2000 ở thôn C, D, A, B là bạn ở cùng phòng trọ tại thôn Z, thị trấn J, huyện A. Do đang thiếu nợ bên ngoài nhiều nên khoảng 08 giờ ngày 28/3/2023, lợi dụng lúc V còn đang ngủ, H lục ví của V lấy được giấy đăng ký xe mô tô 78E1-515.72 và bản photo Căn cước công dân của Huy, sau đó lấy xe mô tô 78E1-515.72 điều khiển đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Nhật Hồ ở thôn G1, xã P, huyện K, tỉnh B; H đeo khẩu trang, đưa giấy đăng ký xe mô tô 78E1-515.72, căn cước công dân photo của V cho chủ cơ sở là Phạm Ngọc E (sinh năm 1974). Do lúc này khá đông khách nên E chỉ kiểm tra sơ bộ và giao cho nhân viên Nguyễn Thu G (sinh năm 1997) lập hợp đồng cầm cố với số tiền 10.000.000^d và đưa lại cho Văn Thị Xuân H1 (sinh năm 1975 - vợ E) ký đại diện còn H giả ký vào hợp đồng cầm cố với chữ ký: V - V. Khoảng hơn 20 phút sau, do chưa đủ tiền trả nợ nên H quay lại lấy thêm 5.000.000^d sau đó bỏ vào thành phố M1. V ở nhà nghĩ H lấy xe mô tô đi công việc nên đợi đến trưa cùng ngày vẫn không thấy, điện thoại thì H không bắt máy hoặc thuê bao không liên lạc được. V lúc này mới xem lại ví thì phát hiện mất giấy đăng ký xe mô tô 78E1-515.72 nên nghi ngờ H đem xe đi cầm và đến cơ sở cầm đồ Nhật Hồ để kiểm tra vì trước đó V có biết H từng cầm cố xe mô tô của H tại đây. Sau khi phát hiện xe mình bị cầm cố, V trình báo sự việc cho Cơ quan Công an xử lý. Đến đêm ngày 29/3/2023, H có nhắn tin và chụp ảnh hợp đồng cầm cố qua mạng xã hội Zalo gửi cho V nói để có tiền chuộc xe sau; V nhắn tin lại đã trình báo sự việc trên. Đến ngày 25/5/2023, H ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: Xe mô tô Yamaha Exiter 78E1-515.72 có giá trị 28.000.000^d (hai mươi tám triệu đồng).

Về vật chứng vụ án:

- Tạm giữ và xử lý trả lại 01 xe mô tô Yamaha Exiter 78E1-515.72 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 78E1-515.72 cho chủ sở hữu V.

- Tạm giữ lưu hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng cầm đồ ngày 28/3/2023 - Dịch vụ cầm đồ Nhật Hồ, có tên chữ ký ghi bên nhận cầm đồ Văn Thị Xuân H1, khách hàng cầm đồ V.

- Tạm giữ chuyển cùng hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa 02 đoạn camera trích xuất tại cơ sở cầm đồ Nhật Hồ ghi lại việc Nguyễn Văn H đến cầm cố xe mô tô 78E1-515.72.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Văn H đã khắc phục trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc E số tiền nhận cầm cố 15.000.000^d (mười lăm triệu đồng). Người bị hại anh V sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau khi nhận lại số tiền khắc phục đều không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKSPC, ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H với mức án tù 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: 25/5/2023. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo ăn năn, hối cải thừa nhận hành vi phạm tội và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, tính chất nguy hiểm của hành vi, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Nguyễn Văn H có công việc ổn định nhưng vì thiếu tiền trả nợ bên ngoài nên vào sáng ngày 28/3/2023, Hoàng đã thực hiện hành vi lấy trộm giấy đăng ký xe mô tô và xe mô tô Yamaha Exiter 78E1-515.72 của V tại phòng trọ ở thôn Z, thị trấn J, huyện A, tỉnh B đem đi cầm cố ở cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Nhật Hồ ở thôn G1, xã P, huyện K, tỉnh B. Tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 28.000.000^d (hai mươi tám triệu đồng).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh xã hội tại địa phương.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và gia đình bị cáo đã khắc phục trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm

2015 cho bị cáo. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhưng thiệt hại tài sản tương đối lớn nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo ở mức đầu khung hình phạt nghĩ cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và làm bài học phòng ngừa chung.

Đối với ông Phạm Ngọc E có hành vi nhận cầm cố xe mô tô 78E1-515.72 do Nguyễn Văn H trộm cắp, tuy nhiên do không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người này là có cơ sở.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[4.1]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền bồi thường và tại phiên tòa không có ai yêu cầu gì khác về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2]. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại Giấy đăng ký xe và xe mô tô Yamaha Exiter 78E1-515.72 cho anh V theo đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 25/5/2023.
3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không.
4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Đội Tham mưu Tổng hợp Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L